

KIỂM ĐỊNH VÙNG HỖ TRỢ

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Tiện ích cuối 2024 - 2025

Mảng thủy điện dự kiến được hồi phục tốt vào thời điểm cuối năm nay và năm 2025 sẽ được cải thiện tốt khi tăng trưởng sản lượng nhờ pha La Nina. Đặc biệt với việc EVN vừa được phép điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện thì tỷ lệ alpha có nhiều khả năng được điều chỉnh ở mức hợp lý hơn.

Sự gia tăng nhu cầu về điện và nước cho các hoạt động sản xuất, công nghiệp, và sinh hoạt, đặc biệt ở các khu vực đô thị đang mở rộng nhanh chóng cũng như sự phát triển đô thị và hạ tầng ngày càng tăng.

Mặt bằng lãi suất hỗ trợ sẽ giúp cải thiện lợi nhuận ngành tiện ích vốn sử dụng đòn bẩy cao, góp phần giúp ngành này dần ấm lên trong thời gian tới.

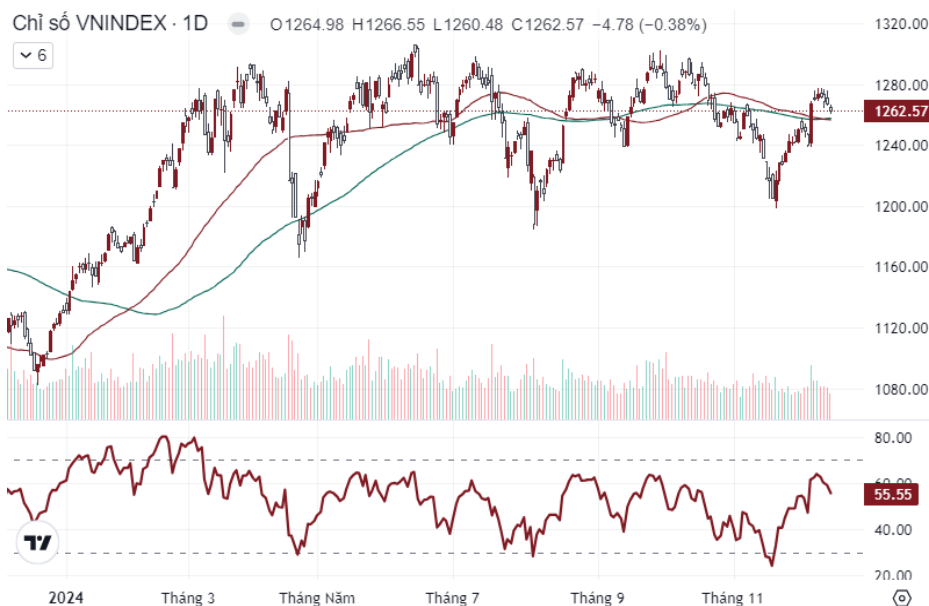
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index giảm 4,79 điểm trong phiên 13/12 kết phiên ở mức 1.262,57 điểm. Thanh khoản giảm 13,60% so với phiên giao dịch ngày 12/12. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 53 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng tiếp tục giằng co điều chỉnh quanh vùng 1.260-1.270 trong phiên giao dịch ngày 13/12. VN-Index có tuần giao dịch giằng co quanh vùng 1.260-1.280 điểm, thanh khoản giảm dần và khối ngoại duy trì đà bán ròng. Mặc dù cấu trúc xu hướng của nhóm vốn hóa lớn vẫn chưa chuyển biến tiêu cực trên diện rộng và xu hướng chủ đạo vẫn là xu hướng tăng, tuy nhiên vận động tăng trên thanh khoản thấp sẽ kéo dài giai đoạn đi ngang hiện tại và làm giảm độ tin cậy của tín hiệu tích cực vốn có. Xu hướng tăng sẽ được củng cố nếu hoạt động mua gia tăng giúp chỉ số vượt kháng cự 1.270 điểm.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



Chỉ báo	RSI14	MFI	MA10	MA20	MA50	MA100
Giá trị	55,55	58,89	1.262,38	1.246,52	1.256,57	1.257,58
Hành động	Mua	Mua	Mua	Mua	Mua	Mua

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

REE

Khuyến nghị: **Mua**

TP: 73.000 VND | UPSIDE: +11%

Chiến lược hành động

MUA: NĐT tiếp tục quan sát thị trường, tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu thu hút được dòng tiền và dự địa tăng đáng kể từ vùng hỗ trợ.

BÁN: NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index điều chỉnh dưới vùng 1.260 điểm.

Tổng quan thị trường

Thị trường	Giá trị	%Δ
VN-Index		
Đóng cửa	1.262,57	-0,38
KLCP (triệu CP)	478,79	-13,60
GTGD (tỷ VND)	11.417	-15,38
Khớp lệnh	9.455	-18,72
Thỏa thuận	1.962	-50,54
HNX-Index		
Đóng cửa	227,00	-0,43
KLCP (triệu CP)	44,36	-11,36
GTGD (tỷ VND)	729,7	-23,11
UPCoM		
Đóng cửa	92,54	-0,15
KLCP (triệu CP)	54,27	32,61
GTGD (tỷ VND)	1.056,90	33,71

Diễn biến TTCK Mỹ: Dow ghi nhận giảm bảy phiên liên tiếp vào thứ Sáu, là chuỗi thua lỗ dài nhất kể từ năm 2020. Chỉ số blue-chip này đã mất 86,06 điểm, tương đương 0,2%, đóng cửa ở mức 43.828,06. Nasdaq tăng 0,12% lên 19.926,72. S&P 500 kết thúc phiên giao dịch với ít thay đổi, đóng cửa ở mức 6.051,09. Trong tuần, Dow đã ghi nhận mức giảm 1,8%, trong khi S&P 500 trượt khoảng 0,6% và chấm dứt chuỗi ba tuần tăng điểm. Nasdaq tăng 0,3% trong giai đoạn này.

Thế giới: Khi dự luật luận tội Tổng thống Yoon Suk-yeol được thông qua vào ngày 14/12, nỗi lo lắng trên thị trường tài chính Hàn Quốc dự kiến sẽ giảm bớt. Thay vì cuộc bỏ phiếu luận tội bị kéo dài mà không có thời điểm kết thúc, việc thông qua nghị quyết luận tội đã giải quyết được một số điều không chắc chắn trong tâm lý thị trường. Tuy nhiên, việc những rủi ro chính trị sẽ còn xuất hiện trong phiên tòa luận tội của Tòa án Hiến pháp cũng vẫn sẽ là mối lo đáng kể. Chỉ số chứng khoán KOSPI của Hàn Quốc vào ngày 13/12 đã đóng cửa giao dịch ở mức 2.494,46 điểm, tăng 0,50% so với ngày hôm trước.

Việt Nam: Hiện 90% số lượng hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam đi qua cảng biển. Dự báo tới 2030 sẽ có khoảng 100 triệu TEU hàng hóa vận chuyển qua khu vực Đông Nam Á. Những con tàu lớn có trọng tải trên 18.000 TEU đang xuất hiện ngày càng nhiều trên các tuyến vận tải biển quốc tế, đặc biệt là các tuyến xa đi Mỹ, châu Âu. Từ năm 2019 đến nay, số lượng tàu lớn ra vào các cảng biển nước sâu của Việt Nam tăng hơn 20%, đóng góp các loại phí tăng gần 700 tỷ đồng. Và thực tế tại các cảng biển nước sâu của Việt Nam vẫn còn rất nhiều dư địa để phát triển. Có thể tiếp nhận các tàu có tải trọng trên 200.000 tấn, hệ thống cầu cảng đáp ứng các tiêu chuẩn cảng xanh, cảng số hiện đại trên thế giới. Nhưng đến nay công suất khai thác của các cảng này mới chỉ chiếm 25 - 30% công suất thiết kế.

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do tăng lên mức 25.405.

Đường: Giá đường dao động quanh mức 0,21 USD/pound, do đồng real Brazil đang yếu đi đã khuyến khích các nhà sản xuất đường Brazil bán ra để xuất khẩu và gây ra tình trạng thanh lý hợp đồng tương lai đường dài. Ngoài ra, dự báo nguồn cung đường toàn cầu được cải thiện đã tác động đến giá. Tổ chức Đường quốc tế (ISO) đã điều chỉnh dự báo thâm hụt đường toàn cầu năm 2024/25 xuống còn -2,51 MMT, giảm so với ước tính tháng 8 là -3,58 MMT và nâng ước tính thặng dư năm 2023/24 lên 1,31 MMT từ mức +200.000 MT. Tuy nhiên, sản lượng đường của Ấn Độ đã giảm đáng kể, với các nhà máy sản xuất 2,79 MMT kể từ ngày 1 tháng 10, giảm 35,4% so với cùng kỳ năm ngoái, do hoạt động chậm trễ ở các tiểu bang quan trọng.

VIC: Hà Nội, ngày 12/12/2024, Tập đoàn Vingroup và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Vinachem ký kết hợp tác toàn diện cùng thúc đẩy mạnh mẽ mục tiêu chuyển đổi xanh. Cụ thể, Vingroup và Vinachem sẽ hợp tác để tăng hàm lượng công nghệ của Vinachem trong xe điện VinFast và các công ty trong hệ sinh thái Vingroup, với những sản phẩm như linh kiện, phụ kiện lớp, ắc quy, hóa chất... Hai bên cũng nghiên cứu để cùng đồng hành, phát triển, mở rộng việc xuất khẩu sản phẩm ra thị trường quốc tế. Theo xu hướng chuyển đổi xanh, về phía Vinachem, Tập đoàn khuyến khích các công ty thành viên, cán bộ, nhân viên di chuyển xanh bằng ô tô và xe máy điện VinFast, hoặc sử dụng dịch vụ vận tải bằng xe buýt điện VinBus, taxi điện Xanh SM, xe điện cho thuê của FGF.

VHM: CTCP Vinhomes đã công bố nghị quyết chào bán tối đa 4.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ với kỳ hạn 36 tháng. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Trước đó, ngày 20/11 Vinhomes đã phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 100 triệu đồng. Ngày phát hành là 8/11/2024, đáo hạn vào ngày 8/11/2027, tương ứng với kỳ hạn 36 tháng. Ngày 21/11, Vinhomes (VHM) đã chính thức khép lại chiến dịch mua cổ phiếu quỹ của mình. Theo như thông báo mới đây, VSDC sẽ hủy đăng ký 246.955.484 cổ phiếu VHM từ ngày 17/12/2024.

Chứng khoán thế giới

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	6.051,09	0,00	26,86
DJIA	43.828,06	-0,20	16,29
Nasdaq	19.926,72	0,12	32,74
Shanghai	3.391,88	-2,01	14,02
Hang Seng	19.971,24	-2,09	17,15

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.647,30	-1,25	28,35
Dầu WTI	71,29	2,03	-0,50
Dầu Brent	74,49	1,62	-3,31
Than	133,00	0,38	-9,15
Đồng	4,1445	-0,86	6,80
Quặng sắt	105,31	-0,20	-22,78
Thép	451,44	-1,92	-18,11

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	106,94	-0,03	5,48
USD/JPY	153,75	0,76	9,00
USD/CNY	7,2811	0,07	2,19
EUR/USD	1,0501	0,29	-4,85
GBP/USD	1,2618	-0,44	-0,87

Top đột phá khối lượng (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
NHA	45,55	28,90	-1,87
VNS	14,43	10,00	-1,48
BVH	75,54	53,20	0,57
FIT	5,79	4,28	1,66
PLX	50,17	38,70	-1,78

Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
FPT	508,04	149,50	-0,47
HPG	471,11	27,20	-1,09
MWG	338,10	61,00	1,67
SSI	283,53	25,80	-0,77
TCB	268,62	24,35	0,41

REE

(HOSE)

Khuyến nghị

Giá hiện tại (13/12/2024)

Mua

66.500

Giá mục tiêu

73.000

Tiềm năng tăng trưởng

11%–12%

Vùng mua

65.000–66.300

Ngưỡng cắt lỗ

<62.300

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 9T2024, REE đạt doanh thu thuần 6.048,1 tỷ đồng, giảm 7% yoy. Lợi nhuận sau thuế lũy kế đạt 1.314,2 tỷ đồng, giảm 21,9% yoy, do mảng thủy điện gặp khó khăn trong 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, từ quý 3, tình hình thủy điện đã cải thiện và kết quả kinh doanh bắt đầu hồi phục.

Tài chính vững mạnh: Tính đến cuối Quý 3/2024, tổng tài sản của REE đạt 35.648,7 tỷ đồng, tăng 2,1% so với đầu năm. Tài sản dài hạn chiếm 71,7% tổng tài sản, tương đương 25.021,7 tỷ đồng. Lượng tiền và các khoản tương đương tiền tăng 67,5% lên 5.068,9 tỷ đồng, chiếm 14,2% tổng tài sản, cho thấy khả năng thanh khoản tốt và giúp REE chủ động trong đầu tư và cân đối vốn để tối ưu hóa sinh lời.

Doanh nghiệp đa ngành với mũi nhọn tập trung vào vào các ngành nghề tiện ích bao gồm (điện, nước sạch, và cho thuê văn phòng). REE sở hữu danh mục đầu tư các công ty con và công ty liên kết có tỉ suất sinh lời hiệu quả với ROE trung bình đạt 15%, cao hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Mảng BĐS: REE là DN cho thuê BĐS văn phòng có quy mô lớn nhất TP.HCM với tổng diện tích sàn đạt 182 nghìn m² (đã tính Etown 6). Đồng thời tỷ lệ lấp đầy luôn trên 90% mang lại doanh thu ổn định. Trong thời gian tới, REE tiếp tục mở bán dự án nhà ở thấp tầng Thái Bình Light Square GĐ1 và khai trương tòa nhà văn phòng E.Town 6 sẽ là động lực tăng trưởng doanh thu tiếp theo.

Mảng thủy điện: REE có kế hoạch đầu tư bao gồm M&A và triển khai hai nhà máy thủy điện Trà Khúc 2 (30MW) và điện gió Duyên Hải (48MW) dự kiến vận hành trong 2026. REE hiện vẫn đặt trọng tâm đầu tư vào các dự án điện NLTT và đang tiếp tục đề xuất triển khai thêm 3 dự án điện gió tổng công suất 344MW tại Trà Vinh.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

REE đang tích cực giữ các mốc MA dài hạn và lấy lại mốc MA 10 ngày. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI nằm trong vùng an toàn cho tín hiệu mua. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường để có điểm mua phù hợp.



Thông tin doanh nghiệp

Phân ngành ICB L2	Hàng & dịch vụ CN
Biến động giá 1Y	46.980–75.700
KLGD BQ 10D (CP)	637.270
Vốn hóa (tỷ đồng)	31.086,88
BVPS	38.684
P/E (lần)	17,07
P/B (lần)	1,74
EPS (VND)	3.867,08
SL CPLH (triệu CP)	471,01
Tỷ lệ free-float (%)	40,00
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	49,00
ROA (%)	5,18
ROE (%)	10,29

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Đi ngang
Xu hướng tuần	-	Đi ngang
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI 14	51,48	Mua
MFI	56,35	Mua
MA10	67,23	Quan sát
MA20	66,36	Mua
MA50	65,27	Quan sát
MA100	66,47	Quan sát

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
Danh mục theo dõi										
1	DBC	Theo dõi	26,6-27,0			30.500	25.500			
2	BFC	Theo dõi	38-38,8			45.500	36.500			
3	MSB	Theo dõi	11,2-11,5			13.000	10.850			
4	GVR	Theo dõi	31-31,6			36.500	30.000			

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	DGC	Nắm giữ	106-108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000			7,0%
2	MSN	Nắm giữ	70,4-71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400			-0,3%
3	PDR	Nắm giữ	20,6-21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800			8,0%
4	VHC	Nắm giữ	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400			3,0%
5	CTG	Nắm giữ	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900			8,2%
6	VCG	Nắm giữ	16,8-17,2	25/11/2024	17.500	19.300	16.100			0,0%
7	HPG	Nắm giữ	25,6-26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			4,6%
8	VNM	Nắm giữ	63,3-64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500			-0,3%
9	KBC	Nắm giữ	27,1-27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			1,3%
10	TNG	Nắm giữ	24,7-25,0	02/12/2024	24.900	28.500	23.700			1,6%
11	CTD	Nắm giữ	65,8-67,0	03/12/2024	66.500	76.000	63.100			-0,6%
12	PNJ	Nắm giữ	92,8-93,5	04/12/2024	93.500	108.000	88.600			3,7%
13	NTP	Nắm giữ	60,3-62,6	05/12/2024	62.700	72.000	58.400			3,7%
14	PAN	Nắm giữ	22,2-22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400			2,2%
15	DRC	Nắm giữ	28,1-28,7	11/12/2024	28.600	32.500	27.000			1,4%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	FPT	Chốt lời	118,0-124,0	06/8/24	120.000	149.000	113.000	18/10/24	137.700	14,2%
2	PAN	Chốt lời	23,4-23,6	04/10/2024	23.000	26.000	22.300	18/10/24	24.400	6,5%
3	CTD	Chốt lời	63,2-64,2	21/10/2024	63.400	70.000	60.600	24/10/24	67.800	6,9%
4	IDC	Chốt lời	55-55,7	23/10/2024	53.800	63.800	52.650	05/11/24	55.700	3,5%
5	HAH	Chốt lời	41,2-42	28/10/2024	42.000	46.800	39.500	08/11/24	46.500	10,7%
6	MWG	Chốt lời	63,1-63,7	16/10/2024	64.300	69.300	60.300	11/11/24	65.000	1,09%
7	VGI	Chốt lời	69,0-72,0	06/10/2024	72.000	82.700	67.000	11/11/24	89.500	24,3%
8	TCB	Cắt lỗ	24,2-24,6	17/10/2024	24.100	26.600	23.200	12/11/24	23.400	-2,9%
9	SZC	Chốt lời	37,6-38,3	23/10/2024	38.100	42.500	36.400	12/11/24	42.700	12,1%
10	HDG	Chốt lời	26,0-27,0	06/11/2024	27.550	31.000	25.200	12/11/24	28.600	3,8%
11	VCI	Chốt lời	35-35,5	31/10/2024	34.300	41.200	33.500	14/11/24	34.700	1,2%
12	DBC	Chốt lời	27,4-28	31/10/2024	27.700	32.000	26.300	14/11/24	28.000	1,1%
13	NKG	Cắt lỗ	20,8-21,2	08/11/2024	21.050	24.000	19.900	14/11/24	20.000	-1,2%
14	DRI	Chốt lời	11,8-12,0	21/11/2024	11.800	13.800	11.200	26/11/24	12.800	8,5%
15	DPM	Chốt lời	34,3-34,7	11/11/2024	33.400	37.400	32.800	27/11/24	36.600	9,6%
16	POW	Chốt lời	11,2-11,5	21/11/2024	11.300	13.000	11.000	04/12/24	12.650	11,9%
17	QNS	Chốt lời	48,6-49,0	18/11/2024	49.000	55.000	46.400	06/12/24	51.300	4,7%
18	CMG	Chốt lời	52,8-54	28/11/2024	53.800	63.800	50.700	09/12/24	58.500	8,7%
19	LPB	Chốt lời	31,2-31,7	25/10/2024	31.700	35.000	29.850	10/12/24	34.400	8,5%
20	VOS	Chốt lời	14,1-14,8	25/11/2024	14.800	17.000	13.800	10/12/24	16.300	10,1%
21	PLX	Cắt lỗ	39,2-40	03/12/2024	39.500	45.000	37.800	13/12/24	39.400	-0,3%

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Cong Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.